TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 473/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Võ Tấn T, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà O có mặt, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 10 năm 2020, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông T chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 02/7/2010. Từ năm 2010 đến nay, ông T

chuyển nơi cư trú từ tỉnh Bình Thuận đến sinh sống và đăng ký thường trú (nhập hộ khẩu vào sổ hộ khẩu của gia đình bà O) tại Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, ban đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau này thường phát sinh mâu thuẫn, cự cãi lẫn nhau. Nguyên nhân: Ông T đam mê chơi đánh bạc (chơi đá gà nhưng chưa bị xử lý theo pháp luật), có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường hay bỏ nhà đi chơi đến khi hết tiền lại về nhà, đồng thời ông T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không chăm sóc vợ con. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà O và ông T có 01 con chung tên Võ Thị Thúy V, sinh ngày 04/9/2013, hiện cháu V đang do bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Bà O yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà O không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

** Bị đơn ông Võ Tấn T trình bày:*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông T biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

Tại biên bản xác minh cùng ngày 30/12/2020 của Tòa án đối với Công an xã M, huyện D và bà Nguyễn Ngọc D– Trưởng Ban lãnh đạo ấp C, xã M, huyện D xác định: Ông Võ Tấn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã M, huyện D và hiện nay đang sinh sống tại địa phương. Địa phương được nhân dân phản ánh rằng: Ông T thường hay chơi đánh bạc (đá gà, tài sửu), cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ngoài bà O và sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện nay Công an xã M đang thực hiện xác minh những thông tin trên.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2020 đối với bà Lê Thị C1 xác định: Bà C1 có quan hệ là mẹ đẻ của bà O, mẹ vợ của ông T. Trong đời sống chung, bà O và ông T thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Ông T không có việc làm, thu nhập ổn định; thường đam mê chơi đánh bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình và thường hay đánh chửi vợ con; gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà O có mặt, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng

mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Tấn T.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn bà O là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà O khởi kiện ông T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông T hiện đang cư trú tại Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà O có mặt, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Tấn T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà O và ông T chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 02/7/2010. Bà O xác định: Ban đầu thì bà O và ông T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường hay chơi đánh bạc (đá gà, tài sửu), cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ngoài bà O, sử dụng trái phép chất ma túy; đồng thời ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường hay đánh chửi vợ con; gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi. Lời trình bày của nguyên đơn bà O phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Kết quả xác minh ngày 30/12/2020 của Tòa án đối với Công an xã M, huyện D, bà Nguyễn Ngọc D – Trưởng Ban lãnh đạo ấp C, xã M, huyện D và bà Lê Thị C1. Theo quy định tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Từ những quy định trên thấy rằng, ông T đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của người chồng, làm cho đời sống chung giữa bà O và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà O đối với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Trong quá trình chung sống, giữa bà O và ông T có 01 con chung tên Võ Thị Thúy V, sinh ngày 04/9/2013. Hiện cháu V đang do bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án tham khảo ý kiến của cháu V và cháu V có nguyện vọng chung sống với bà O. Đây là sự tự nguyện, là ý chí tự nguyện của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Bà O không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông T biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O đối với ông Võ Tấn T về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị O ly hôn với ông Võ Tấn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Thúy V, sinh ngày 04/9/2013, cho bà Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà O về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị O chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045125 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà O đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Sơn